

CÔNG TY CỔ PHẦN MAYCOM VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MAYCOM VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MAYCOM VIET NAM CORPORATION

Tên công ty viết tắt: MAYCOM VIET NAM .,CORP

2. Mã số doanh nghiệp: 0109151800

3. Ngày thành lập: 03/04/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 70 ngõ 41 phố Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cung ứng lao động tạm thời (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài).	7820
2.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
3.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
4.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230(Chính)
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
6.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
7.	In ấn	1811
8.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
9.	Quảng cáo	7310
10.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra).	7320
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
13.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
14.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
15.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
16.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động môi giới bản quyền.	7490

17.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài).	7830
18.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
19.	Bán buôn đồ uống	4633
20.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy ảnh; Bán lẻ kính đeo mắt; Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, động vật cảnh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại.	4773
21.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh quán bar).	4723
22.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
23.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
25.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
26.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
27.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.	4632
28.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
29.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
30.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (không bao gồm hoạt động phát thanh truyền hình)	5913
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử; Xây dựng chiến lược kinh doanh, chiến lược marketing; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299
32.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông.	6190

33.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
34.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa.	7912
35.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm (không hoạt động môi giới bảo hiểm).	6622
36.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
37.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
38.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
39.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
40.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
41.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
42.	Phá dỡ	4311
43.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
44.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
49.	Bán buôn tổng hợp	4690
50.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
51.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
52.	Cho thuê xe có động cơ	7710
53.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
54.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
56.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
57.	Xây dựng nhà để ở	4101
58.	Xây dựng nhà không để ở	4102
59.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
60.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

61.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	9000
62.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
63.	Lập trình máy vi tính	6201
64.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
65.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
66.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN QUANG TÁM	Số 81, tổ 9A, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	175.000	1.750.000.000	35,000	037070000007	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	175.000	1.750.000.000	35,000		

2	NGUYỄN YẾN NHÀN	Số 16 ngõ 2 Đê Tô Hoàng, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	24,000	0011760138 42
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	24,000	
3	LÊ QUỐC VINH	Số 70 ngõ 41 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	95.000	950.000.000	19,000	0010680129 37
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	95.000	950.000.000	19,000	
4	NGUYỄN XUÂN BẮC	Số 52 ngõ Lương Sử B, phố Quốc Tử Giám, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	95.000	950.000.000	19,000	012655161
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	95.000	950.000.000	19,000	

5	LÃ THỊ KIM DUNG	Tổ 23, Cụm 3, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	3,000	013539711	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000	150.000.000	3,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN QUANG TÁM

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 29/10/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 037070000007

Ngày cấp: 09/11/2012

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHCC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 81, tổ 9A, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 16 ngách 25A, ngõ 130 phố An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội